

Bản án số: 59/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 29/10/2018
V/v “Xin ly hôn, nuôi con chung
giữa chị L với anh Q”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. PHAN RANG-THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Phước Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thành Phương.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Lam.

Thư ký phiên tòa: Ông Từ Công Từ Rượu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Liên- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang-Tháp Chàm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 577/2018/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2018 về việc tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Triệu Thị L, sinh năm 1978 (có mặt).

Bị đơn: anh Đặng Thoại Q, sinh năm 1977 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: Khu phố 1, phường B, Tp. Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29-8-2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Triệu Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đặng Thoại Q sau khi tìm hiểu đã tự nguyện đi đến hôn nhân có cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận vào năm 2009 theo giấy chứng nhận kết hôn số: XXX, quyển 01/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng đã sống không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị là do tính tình, quan điểm sống vợ chồng không hợp nhau, anh Q không còn quan tâm đến vợ con, xúc phạm chị vô cớ, mặc dù còn sống chung nhưng không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị xác định giữa chị và anh Q đã không còn tình cảm vợ chồng và cũng

không muốn tiếp tục chung sống lại với nhau, vì vậy chị xin được ly hôn anh Đặng Thoại Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm: Đặng Triệu A, sinh ngày 13/7/2011, Đặng Triệu Như V, sinh ngày: 20/6/2012. Khi ly hôn chị yêu cầu nhận nuôi 02 con, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Thoại Q trình bày: Về quan hệ hôn nhân và con chung như lời trình bày của chị L là đúng. Anh thừa nhận vợ chồng hiện đang có những mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do chị L có quan hệ ngoại tình với người khác nên vợ chồng hay cãi vã nhau, nhưng anh cho rằng mâu thuẫn này là không đáng kể, anh xác định vẫn còn tình cảm yêu thương chị L, sẵn sàng tha thứ để chị L sửa đổi, vợ chồng có thêm cơ hội hàn gắn chung sống hạnh phúc và nuôi dạy các con nên yêu cầu Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh trở về chung sống đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị L trình bày, giả sử Tòa án xử cho ly hôn thì anh yêu cầu nhận nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 02/10/2018 do Tòa án lập thì BCH Hội phụ nữ phường B xác nhận: BCH Hội phụ nữ phường chưa nhận được đơn thư yêu cầu hòa giải về tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh Q và chị L nên vợ chồng anh Q và chị L có mâu thuẫn hay không thì chính quyền địa phương không nắm rõ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà. Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm nhận định:

[1]. **Về tố tụng:** Chị Triệu Thị L có đơn yêu cầu được ly hôn anh Đặng Thoại Q. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn*”. Anh Đặng Thoại Q là người bị kiện có nơi cư trú tại khu phố 1, phường B, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm.

[2]. **Về nội dung:** Xét quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Q được kết hợp trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị L cho rằng anh Q không còn quan tâm đến vợ con, vợ chồng hay xảy ra cãi vã, xích mích nhau, hai người còn sống chung nhưng không còn quan tâm đến nhau nữa. Trong khi đó anh Q cũng thừa nhận hiện vợ chồng đang có mâu thuẫn do

anh cho rằng nguyên nhân là do anh nghi ngờ chị L có quan hệ ngoại tình với người khác nhưng anh sẵn sàng bỏ qua để vợ chồng trở về chung sống đoàn tụ và nuôi dạy các con.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Q xuất phát từ việc anh Q có nghi ngờ cho rằng chị L có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Chị L không thừa nhận có quan hệ ngoại tình, anh Q không chứng minh được chị L ngoại tình. Tuy nhiên, thấy rằng anh chị đều có trách nhiệm với con và gia đình hai bên, mâu thuẫn của anh chị chưa đến mức trầm trọng vì còn ở chung và làm ăn chung. Mâu thuẫn xảy ra chỉ do anh Q nghi ngờ chị L là chủ yếu. Chị L không đưa ra được những chứng cứ xác đáng chứng minh mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng. Quá trình hòa giải tại Tòa án, anh Q luôn trình bày nguyện vọng muốn vợ chồng đoàn tụ, nương tựa lẫn nhau để cùng làm ăn, chăm sóc con chung vì vợ chồng đã phải trải qua nhiều khó khăn thử thách để xây dựng được hạnh phúc gia đình đến ngày nay, hiện vợ chồng có hai con nhỏ, có cơ sở kinh doanh làm ăn ổn định. Ngoài mâu thuẫn xảy ra vì lý do nghi ngờ ghen tuông, anh Q và chị L không chứng minh được mâu thuẫn nào khác giữa vợ chồng. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh Q chỉ thể hiện sự mâu thuẫn nhất thời, vẫn có thể hàn gắn được, cần có thêm thời gian để hiểu nhau, cảm thông và chia sẻ với nhau tạo điều kiện hàn gắn gia đình nên chiếu theo quy định tại điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh Q.

Do bác yêu cầu ly hôn nên không xét quan hệ con chung và tài sản chung.

Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 điều 147 của BLTTDS, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) không có giá ngạch.

Quan điểm của Viện kiểm sát thể hiện Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký luôn tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và người tham gia tố tụng dân sự là nguyên đơn, bị đơn luôn chấp hành pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án, Viện kiểm sát đề nghị bác đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, về nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Triệu Thị L đối với bị đơn là anh Đặng Thoại Q về việc xin ly hôn và nuôi con chung.

Do bác yêu cầu ly hôn nên không xét đến quan hệ con chung và tài sản chung.

Về án phí: chị Triệu Thị L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0017622, ngày 17/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận (*chị L đã nộp đủ án phí ly hôn*).

Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 30/10/2018).

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. Phan Rang- Tháp Chàm;
- CC THADS TP.Phan Rang-Tháp Chàm
- Các đương sự;
- Lưu HS + Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Phước Trí